

DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ

CUỐN SÁCH NHỎ NHƯNG GIÁ TRỊ CAO VỀ MẶT HỌC THUẬT TIẾNG VIỆT

ĐINH VĂN ĐỨC

(GS.TS; Đại học KHKXH & NV, ĐHQG Hà Nội)

Đã lâu rồi, tôi mới có dịp đọc một công trình hay như vậy về một nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt: Cuốn sách: “*Vấn đề ngôi trong tiếng Việt*” của tác giả **Trương Quang Đệ** do Nhà xuất bản Văn hóa-Văn nghệ TP Hồ Chí Minh ấn hành (1912). Chính văn cuốn sách chỉ có 148 trang khổ nhỏ, nhưng sách rất gây ấn tượng, thiết nghĩ đây là một công trình sâu sắc cả về nội dung và phương pháp.

Như chúng ta đã biết, trong khi bàn về các từ loại và cấu trúc chủ-vị tiếng Việt, xưa nay không mấy ai tránh khỏi việc bàn về *vấn đề ngôi*. Đã có nhiều tiếp cận vấn đề này từ ngữ pháp truyền thống đến hiện đại và lối nghĩ về *ngôi ngữ pháp* trong các ngôn ngữ châu Âu đã có ảnh hưởng khá nặng đến các sách ngữ pháp và thực hành tiếng Việt ở ta trong cái không khí “Dĩ ầu vi trung” một thời khá dài. Có cách tiếp cận nào mới hơn không?

Bản thân chúng tôi, trong các công trình viết về từ loại tiếng Việt [1] cũng đã thoát thác chuyện này (vấn đề ngôi) vì cảm thấy suy nghĩ chưa thật thấu đáo. Phải đợi có sự tiến bộ của cả lý luận lẫn năng lực xử lý thực tế tiếng Việt.

Muốn giải quyết được vấn đề này thì điều kiện cần thiết là phải:

- Nắm vững lý luận ngôn ngữ (đại cương) về ngôi,
- Xuất phát từ chất liệu bản ngữ (tiếng Việt) để mô tả và nhận xét,
- Tìm cách đối chiếu với ngữ pháp một ngôn ngữ khác loại hình (biến tố, ví dụ)

Cuốn sách của Trương Quang Đệ trên mức độ cao đã đáp ứng tất cả các yêu cầu này một cách rất uyển chuyển.

Việc thứ nhất:

Tác giả chủ trương, ngay từ đầu, là cần vận dụng lý luận đại cương về ngữ pháp để xem xét, mô tả cách biểu thị ngôi trong tiếng Việt. Nhưng là lý luận nào? Bởi vì xưa nay lý luận ngữ pháp phần lớn tuyệt đối đều dựa vào chất liệu các ngôn ngữ châu Âu. Tác giả cho rằng: “Phải có cách tiếp cận khác với những gì ta đã biết qua các sách ngữ pháp truyền thống dạy trong nhà trường” [2]. Theo đó, trong một ngôn ngữ đơn lập như tiếng Việt: “Người ta nhận thấy khái niệm” ngôi” đa dạng hơn nhiều so với những “đại từ nhân xưng” [3]. Nắm vững thời cuộc về những biến đổi của lý luận ngôn ngữ cận hiện đại, tác giả đã chủ trương rằng trong khi nghiên cứu ngôi tiếng Việt thì “không theo phương pháp đối chiếu đơn thuần với các ngôn ngữ khác, mà theo một xu hướng độc lập, có tính nội tại, dựa trên bản sắc tiếng Việt và trên lý thuyết đại cương về ngôi” [4].

Và tác giả đã làm đúng như thế.

Ngay sau nhan đề cuốn sách, tác giả đã có một phụ chú tuyên ngôn: “Nghiên cứu (ngôi-ĐVĐ) cách xưng hô trong những tình huống khác nhau”. Theo đó tác giả đã nhận ra sớm (Bordeaux, 1981) sự chuyển biến của ngữ pháp sang địa hạt công năng của ngôn ngữ kể từ E. Benvenist và R. Jakobson vào thập kỉ năm mươi và quyết định theo hướng này trong khi, một mặt, vẫn giới thiệu và hệ thống hóa khái niệm về ngôi truyền thống (châu Âu), mặt khác, *mở rộng vấn đề ngôi tiếng Việt theo hướng dụng ngôn*. Phần I của sách đã thể hiện khả năng nắm bắt rất tốt lý luận của tác giả trong vấn đề ngôi. Nó không chỉ đưa thông tin

mà còn thể hiện sự nhận thức rất sâu, nhuần nhuyễn của tác giả về những khía cạnh cốt lõi của “ngôi”[5].

Việc thứ hai:

Xuất phát từ bản ngữ, bằng vốn lí luận vững vàng, tác giả đã mô tả thành công các khía cạnh phức tạp nhất của ngôi tiếng Việt trong kết học cũng như trong dụng ngôn. Cụ thể là:

1- Tác giả cho rằng, trong khi tiếp cận ngôi tiếng Việt, “ Năng lực ngôn ngữ không phải là năng lực nắm bắt các quy luật cấu tạo bề nổi của ngôn ngữ, mà là nắm bắt chiều sâu tư duy của người nói (người bản ngữ-ĐVĐ)[6,63]. Và: “Người nói tiếng Pháp thường quan tâm đến cấu trúc nổi của ngôn ngữ qua các dạng câu, trong lúc *người Việt quan tâm nhiều hơn đến cấu trúc ý nghĩa, tức cấu trúc chìm*” [7,64]. Đây là nhận thức có tính chất chìa khóa của tác giả khi đi vào mô tả ngôi tiếng Việt. Mới và trước chưa ai nói thành luận điểm..

2- Tác giả đã nhận diện được những gì là cốt lõi trong các tranh luận chung quanh vấn đề ngôi tiếng Việt và qua đó xác lập quan niệm riêng của mình. Theo đó, việc tìm kiếm giải pháp cho ngôi phải giải đáp cho hai câu hỏi: a) Liệu có thể nói đến ngôi trong tiếng Việt khi một biểu thức nào đó có thể dùng để thay thế cho bất kì ngôi nào?, b) Mọi từ chỉ ngôi thì kéo theo nhiều ý nghĩa khác,...Nếu có từ chỉ ngôi thật sự thì chúng thuộc về từ vựng hay ngữ pháp. Tác giả cho rằng trong quá khứ, giới ngữ pháp (các bên tranh luận) đều chỉ “*đứng trên quan điểm ngữ pháp nội tại của ngôn ngữ mà không đứng trên hành vi lời nói để xét đoán*” [8,70].

3- Trong khi xuất phát từ cách dụng ngôn của hành vi lời nói như một yếu tố lí luận mới để phân tích, tác giả cho rằng, với lối phân tích này ta cũng có thể chỉ ra những gì vị tất đã suôn sẻ trong khái niệm ngôi của các ngôn ngữ biến hình (tác giả đã có một phân tích rất sâu về ngôi tiếng Pháp). Qua đó, tác giả nhấn mạnh:” Dù biểu hiện cách nào, *vấn đề ngôi vẫn là vấn đề của giao tiếp ngôn ngữ*, tức là của

người nói, người nghe và hoàn cảnh nói nhất định,... Đối với các ngôn ngữ không biến hình, ngôi thường do ngữ cảnh quy định. Các quy tắc về ngôi vượt ra khỏi khuôn khổ ngữ pháp mà đi vào lĩnh vực xã hội-ngôn ngữ hay văn hóa chủng tộc”[9,74].

Đây là cách nhìn mới cho vấn đề này và có sức thuyết phục.

4- Trên quan điểm đó tác giả đã xây dựng cách biểu thị ngôi về mặt lí thuyết, dựa trên lí thuyết về diễn ngôn, sau đó xây dựng như cách biểu thị cụ thể cho tiếng Việt.

a) Trong khía cạnh thứ nhất, để xác lập cách biểu thị ngôi, tác giả cho rằng cần quan tâm đến các yếu tố tạo nên hoạt động phát ngôn, trước hết là quan hệ giữa lời phát ngôn, người phát ngôn và chủ ngữ câu phát ngôn. Theo đó, thao tác xây dựng ngôi trong tiếng Việt là không đơn giản. *Trong ngôn ngữ này, ngoài thao tác xây dựng ngôi còn có vấn đề xây dựng cấp độ quan hệ xã hội nữa.*

b) Vì vậy, khía cạnh tín hiệu học của khái niệm “ngôi- quan hệ xã hội” trong tiếng Việt rất có ý nghĩa. Theo tác giả: “Các biểu thức chỉ ngôi trong tiếng Việt (tên gọi, quan hệ gia tộc, địa vị xã hội,...) là một thực thể có hai mặt. Một mặt dùng để chỉ ngôi, mặt kia dùng để nêu quan hệ xã hội của người đó. Nhận xét này dẫn ta đến việc nghiên cứu tính chất tín hiệu của khái niệm “ngôi- quan hệ” của tập hợp các từ biểu thị ngôi như là *một mã con thuộc mã ngôn ngữ nói chung*” [10,78]. Để gợi ý thêm, tác giả đã ví rất hay việc tìm hiểu khía cạnh tín hiệu của ngôi (tiếng Việt) với việc “mặc quần áo” trong đời thường.

Có thể nói đây là một nhận xét rất sâu của tác giả cả trên phương diện kí hiệu học ngữ pháp lẫn Ngữ học nhân học (Anthropological linguistics).

Việc thứ ba:

Theo cách nhìn nhận mới đối với ngôi tiếng Việt, tác giả đã có một nghiên cứu triển khai khá thú vị. Một toàn cảnh về ngôi được trải ra, không chi tiết, nhưng các phân tích và nhận xét về mỗi tiểu loại có chiều sâu đáng ngạc nhiên.

Đáng chú ý là các khía cạnh: Dấu tích của ngôi trong phát ngôn, ngữ cảnh-tình huống- cử chỉ, địa vị xã hội, thân tộc qua các đối lập, vị trí trong không gian và vị thế người nói, bề chiều xã hội – ngôn ngữ của ngôi, yếu tố tâm lí – ngôn ngữ thuộc phạm trù ngôi,...cho thấy những gì trước đây chưa được nói tới và tác giả đã có những phân tích và gợi mở khá sâu.

Không chỉ dừng lại ở các mô tả, để minh chứng cho quan niệm của mình, tác giả còn tiến hành một nghiên cứu trường hợp (Case Study) theo phương pháp định lượng về ngôi: Đó là nghiên cứu định lượng về ngôi qua các đàm thoại trong truyện Kiều. Nghiên cứu hết sức nghiêm túc qua các thống kê phân tích và nhận xét, đây là một sản phẩm rất có giá trị. Lời kết luận cuốn sách cũng rất hay và độc đáo, giàu trải nghiệm và có nhiều ý tưởng.

Việc thứ tư:

Nghiên cứu về ngôi, lấy ngôi trong tiếng Việt làm đối tượng, tác giả vẫn thường xuyên đưa ra các phân tích đối chiếu (Contrastive) với ngôn ngữ khác (tiếng Pháp) như một nguyên tắc khảo sát. Dung lượng khảo sát đối chiếu thật vừa phải. Khi cần mới đối chiếu và đối chiếu phải có tác dụng ngôn ngữ học cụ thể. Tác giả đã triển khai đối chiếu cả hai chiều (Pháp - Việt và Việt - Pháp). Ngay khi nghiên cứu trường hợp ngôi qua các đàm thoại trong truyện Kiều, tác giả cũng thực hành đối chiếu việc chuyển dịch ngôi qua các văn bản dịch hiện hữu.

Những ai quan tâm đến nghiên cứu đối chiếu rất nên đọc cuốn sách này như một tham khảo đáng quý.

Việc thứ năm:

Cuốn sách tuy khối lượng nhỏ nhưng cũng là một bằng chứng của sự thành công trong phương pháp nghiên cứu. Ngôn ngữ học có những nguyên tắc rất chặt chẽ trong phân tích và mô tả, trong đó nguyên tắc: Ngôn ngữ chỉ biểu nghĩa chứ không biểu hiện cái gì khác là nền tảng đã được tác giả nắm rất vững qua từng chi tiết. Sự kết hợp phân tích giữa hai diện ngữ pháp và ngữ nghĩa đã được tác giả thực

hiện một cách cân trọng, nhất quán và không có nét dư thừa. Các thao tác phân tích ngôi để nhận diện những phương diện khác nhau của nó trong dụng ngôn đã được làm kĩ càng từng chi tiết và luôn đi tới cùng. Nói tóm lại là trên phương diện này tác giả đã thành công trên cả hai khía cạnh: mô tả bản ngữ và nghiên cứu đối chiếu.

Thay lời kết luận:

Tác giả sách này, sau ba chục năm trăn trở (1981-2011) cho dù rất khiêm tốn và thận trọng, khi nói:” Mong muốn của tác giả qua quyển sách này là nêu lên những vấn đề cần thiết, gợi lên sự quan tâm của bè bạn, đồng nghiệp chứ không nghĩ là mình giải quyết tận gốc một bài toán khó”[12], chúng tôi có thể khẳng định rằng đây là một công trình Việt ngữ học có chất lượng xuất sắc với nhiều cái mới, có giá trị cao về lí luận và phương pháp. Tác giả cuốn sách, nhà giáo Trương Quang Đệ, qua công trình này đã tỏ rõ là một người nghiên cứu có năng lực chuyên môn khả kính, có tính chuyên nghiệp rất cao. Chúng ta vui mừng vì trong nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt, vấn đề ngôi nay lại đã có thêm một bước tiến mới, một cái mốc đáng được ghi nhận.

Tài liệu trích dẫn

[1] Đinh Văn Đức (1986), *Ngữ pháp tiếng Việt: Từ loại*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp. In lại (có bổ sung: 2001 và 2010), NXB ĐHQG Hà Nội.

[2] Trương Quang Đệ (2012), *Vấn đề ngôi trong tiếng Việt*, NXB Văn hóa-Văn nghệ TP HCM

[3] Sách đã dẫn: tr.8

[4] Nt.: Tr.8

[5] Nt.: Tr.12-13

[6] Nt.: Tr.63

[7] Nt.: Tr.64

[8] Nt.: Tr.70

[9] NT.:Tr.74

[10]Nt.: Tr.78

[11] Nt.: Tr.129

[12] Nt.: Tr.10

(Ban biên tập nhận ngày 5-8-2013)